

Số: 10/TB-MNTT

Toàn Thắng, ngày 20 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

**Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động
giáo dục mầm non; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm
non Năm học 2024-2025**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDDT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường mầm non Toàn Thắng công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non năm học 2024-2025 nội dung cụ thể như sau:

I. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

- Cán bộ quản lý: Tổng số: 3
- + Biên chế: 3 (Trình độ: Đại học: 3)
- Giáo viên: Tổng số: 18
- + Trong đó biên chế 18, hợp đồng theo NQ 19: 0, hợp đồng lao động 0.
- + Trình độ Đại học: 14, Cao đẳng: 4
- Nhân viên: Tổng số: 5
- + Biên chế: 0, Hợp đồng: 5 (4 cô nuôi, 1 kế toán)
- + Trình độ: 1 Đại học (Kế toán), 1 cao đẳng nấu ăn, 3 sơ cấp nấu ăn
- a) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp**
- CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt: $3/3 = 100\%$
- GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp là: 18
- + Chuẩn nghề nghiệp GVMN mức tốt: $15/18 = 83.3\%$
- + Chuẩn nghề nghiệp GVMN mức khá: $3/18 = 16.7\%$
- + Chuẩn nghề nghiệp GVMN mức đạt: $0/18 = 0\%$

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

100% các bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

2. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Tổng diện tích trường: $2.369.9m^2$, diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ là $12,3m^2/1$ trẻ cao hơn so với diện tích sử dụng đất bình quân tối thiểu $12m^2/trẻ$ đối với khu vực nông thôn và miền núi.

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Trường có 9 phòng học kiên cố tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; có 17 khu vệ sinh cho giáo viên, học sinh.

- Phòng hành chính quản trị: 6

- Phòng âm nhạc: 1

- Bếp ăn 1 chiều: 1

- Hiện còn thiếu 01 phòng tin học, đa chức năng

c, Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- 9/9 nhóm lớp có đủ thiết bị, đồ dùng theo quy định.

d, Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác

- Trường có đủ số lượng đồ chơi ngoài trời (12 bộ) và thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a, Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Trường tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức độ 2.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá số 05/KH-MNTT ngày 8/3/2022.

a) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm

- Nhà trường được kiểm tra đánh giá và công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2021

- Kế hoạch nâng chuẩn mức độ 2 từ 2025- 2028.

4. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp (nếu có)

Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp:

Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: tăng cường Tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ mầm non.

II. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học

b) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

- Kế hoạch số 34/KH-TMN ngày 21/5/2024. Kế hoạch tuyển sinh trẻ mầm non năm học 2024-2025.

c) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

- Kế hoạch số 72/KH-MNTT ngày 2/10/2024. Kế hoạch thực hiện chăm sóc nuôi dưỡng năm học 2024-2025.

d, Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội

- QĐ 31/QĐ-MNTT ngày 23/9/2023 về ban hành quy chế phối hợp nhà trường và gia đình, cộng đồng xã hội giai đoạn 2023-2025 của trường mầm non Toàn Thắng

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em

- Xây dựng thực đơn xây dựng theo tuần chẵn và tuần lẻ, thực đơn gồm nhà trẻ và mẫu giáo.

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có): Không

4. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của kỳ 1 năm học (Năm học 2024-2025)

a, Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép)

- Nhà trường có: 7 lớp mẫu giáo và 02 nhóm trẻ. Huy động trẻ ra lớp: 192 cháu trong đó:

Trẻ nhà trẻ: 42/3 nhóm lớp

Nhóm lớp Mẫu giáo: 150 cháu

+ Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 2 lớp = 67 cháu, tỷ lệ bình quân 33 trẻ/lớp

+ Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 2 lớp = 45 cháu, tỷ lệ bình quân 22 trẻ/lớp

+ Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 2 lớp = 38 cháu, tỷ lệ bình quân 19 trẻ/lớp

a) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (không có)

b) Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 192 trẻ

c) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 192 trẻ

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 192 trẻ

d) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

g, Số trẻ em khuyết tật: Không có

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử;

- Lưu: VT/

HIỆU TRƯỞNG



Đào Thị Thoáng

